

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

]

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Bảo và bà Lê Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn TT, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 thì nội dung vụ án như sau: Ông Phan T và bà Nguyễn TT, yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 05 tháng 12 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng ông làm nhà riêng tại Khu kinh tế mới, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Từ khi kết hôn cho đến năm 2022 thì vợ chồng ông T sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác. Đến đầu năm 2023, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần ông T cố gắng bỏ qua tất cả vì cuộc sống gia đình nhưng tình cảm vợ chồng ông vẫn không thể hàn gắn lại được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng không có tiền nói chung. Nay ông T thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, hai người không còn quan tâm nhau nữa. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn TT.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phan VT, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007, cháu Phan TT, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2019. Hiện tại cháu Phan VT đã hơn 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Khi ly hôn ông T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phan TT và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/5/2025, bà T trình bày: Bà và ông Phan T yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 05/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng làm nhà riêng và sinh sống với nhau tại Khu kinh tế mới, thôn N, xã T, huyện P. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau không tìm ra tiếng nói chung. Vì vậy những năm gần đây vợ chồng không chung sống với nhau nữa, bà T đi làm ăn xa, mỗi lần về thì bà chỉ sống cùng các con chứ vợ chồng không còn tình cảm nữa. Nay ông T làm đơn ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phan VT, sinh ngày 04/2/2007 và Phan TT, sinh ngày 07/01/2019. Hiện hai cháu đang sống cùng ông T nên bà giao hai cháu cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ông T được ly hôn bà T; về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phan TT, sinh ngày 07/1/2019 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Phan VT đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Ông T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn TT là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị nên ông Phan T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà T được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và có văn bản trình bày ý kiến về vụ án đồng thời có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà ở tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa. Ngày 21/5/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐST- HNGĐ và tổng đạt cho các đương sự được biết. Ngày 30/5/2025 nguyên đơn ông Phan T cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T.

[2] Về hôn nhân: Ông Phan T và bà Nguyễn TT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 05/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà riêng của mình ở thôn Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà T đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân vài năm nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của ông T và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Ông T làm đơn xin ly hôn, bà T cũng xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. LỜI TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ VỀ VỤ ÁN CŨNG PHÙ HỢP VỚI THÔNG TIN TÒA ÁN XÁC MINH VỀ TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN CỦA ÔNG T VÀ BÀ T TẠI UBND XÃ TRIỆU THƯỢNG. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Phan T được ly hôn bà Nguyễn TT.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phan VT, sinh ngày 04/02/2007 và Phan TT, sinh ngày 07/01/2019. Hiện cháu VT đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết, cháu TT đang sống cùng ông T. Khi ly hôn ông T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu TT, bà T cũng đồng ý giao cháu TT cho ông T nuôi dưỡng. Do đó, cần xử giao cháu Phan TT, sinh ngày 07/1/2019 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Bà T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Phan T nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan T được ly hôn bà Nguyễn TT.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phan VT, sinh ngày 04/02/2007 và Phan TT, sinh ngày 07/01/2019. Hiện cháu VT đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem

xét. Giao cháu Phan TT, sinh ngày 07/01/2019 cho ông Phan T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông Phan T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000344 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (ông Phan T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Bà Nguyễn TT, ông Phan T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Ái;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Đăng Khoa